

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 1428/UBND-KTN
V/v xây dựng kế hoạch phát triển
kinh tế tập thể năm 2013.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 09 tháng 8 năm 2012

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: <u>3854</u> Ngày: <u>10/8/12</u> Chuyên: <u>ĐKICD</u>

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 4878/BKHĐT-HTX ngày 06/7/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2013 trên địa bàn tỉnh như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ DỰ KIẾN NĂM 2012

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG.

1.1. Về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.

1.1.1. Về hợp tác xã: Tổng số hợp tác xã hiện có đến 30/6/2012 là 94 hợp tác xã; trong đó có 42 hợp tác xã nông - lâm nghiệp, 19 hợp tác xã công nghiệp- tiêu thủ công nghiệp, 12 hợp tác xã xây dựng, 07 hợp tác xã vận tải, 05 hợp tác xã thương mại - dịch vụ, 04 hợp tác xã nuôi trồng thủy sản và 05 Quỹ tín dụng nhân dân.

Có 07 hợp tác xã được thành lập mới ⁽¹⁾ và 01 hợp tác xã giải thể ⁽²⁾.

Doanh thu trung bình của một hợp tác xã khoảng 850 triệu đồng/năm; lợi nhuận trung bình của một hợp tác xã khoảng 120 triệu đồng/ năm.

1.1.2. Liên hiệp hợp tác xã: Hiện nay trên địa bàn chưa có Liên hiệp hợp tác xã được thành lập.

1.1.3. Tổ hợp tác: Tổng số tổ hợp tác hiện có đến 30/6/2012 là 82 tổ; trong đó 16 tổ có đăng ký hoạt động theo Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính Phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác và Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác.

Có 02 tổ hợp tác được thành lập mới, gồm: Tổ hợp tác sản xuất chổi đót xã Kon Đào - huyện Đăk Tô và Tổ hợp tác sản xuất và dịch vụ nông, lâm nghiệp Xã Tân Cảnh - huyện Đăk Tô. Dự kiến năm 2012 có 15 tổ hợp tác.

Doanh thu trung bình của một tổ hợp tác khoảng 350 triệu đồng/năm; lợi nhuận trung bình một tổ hợp tác khoảng 30 triệu đồng/năm.

(1) Hợp tác xã nuôi cá Tầm, cá Hồi xã Hiếu - huyện KonPlông; hợp tác xã nuôi cá Tầm, cá Hồi xã Đăk Long - huyện KonPlông; hợp tác xã nuôi cá Tầm, cá hồi xã Pờ Ê - huyện KonPlông; hợp tác xã nuôi cá Tầm, cá Hồi xã Măng Cảnh - huyện KonPlông; hợp tác xã Rau - Hoa xứ lạnh thanh niên Măng Đen - huyện KonPlông; hợp tác xã kinh doanh tổng hợp Trung Hà 1/5 - xã Đăk Tô Re - huyện Kon Rẫy và hợp tác xã Vạn Thành - Ngọc Hồi.

(2) Hợp tác xã giống cây trồng và dịch vụ Anh Khôi - Diên Bình, Đăk Tô.

1.2. Về xã viên hợp tác xã, thành viên tổ hợp tác.

Có tổng số 9.910 xã viên của hợp tác xã và 101 thành viên của tổ hợp tác bình quân lao động thường xuyên trong một hợp tác xã là 9 lao động và tổ hợp tác là 2 lao động (*chủ yếu là xã viên và thành viên*).

Thu nhập trung bình của xã viên/thành viên của hợp tác xã, tổ hợp tác là 11,5 triệu đồng/năm. Thu nhập trung bình của người lao động thường xuyên của hợp tác xã, tổ hợp tác là 12 triệu đồng/năm.

1.3. Về trình độ cán bộ quản lý hợp tác xã.

Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác là 436 người; trong đó cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác có trình độ sơ cấp, trung cấp là 370 người (*chiếm 84% số cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác*), cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác có trình độ cao đẳng, đại học là 66 người (*chiếm 16% số cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác*).

II. ĐÁNH GIÁ THEO LĨNH VỰC.

2.1. Lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp, thủy sản:

Các hợp tác xã nông - lâm - ngư nghiệp, thủy sản đã gắn kết được với quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, một số hợp tác xã phát triển tốt⁽³⁾, bên cạnh đó cũng có nhiều hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả hoặc ngưng hoạt động.

Phần lớn các hợp tác xã đã chuyển sang kinh doanh tổng hợp, gắn trồng trọt với chăn nuôi; gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm; gắn sản xuất với kinh doanh các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội tại địa phương.

2.2. Lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

Các hợp tác xã hoạt động ở mức trung bình, chủ yếu giải quyết việc làm cho người lao động tại chỗ (*như Hợp tác xã dệt thổ cẩm Cà Đừ - Sa Thầy; Hợp tác xã dệt thổ cẩm Tây nguyên - thành phố Kon Tum*); các hợp tác xã ở lĩnh vực này khó khăn về vốn, công nghệ sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

2.3. Lĩnh vực xây dựng:

Một số hợp tác xã ở lĩnh vực này đã phối hợp với các đơn vị có liên quan để nhận thi công xây dựng các công trình có quy mô nhỏ, đơn giản... giải quyết được việc làm cho xã viên và người lao động⁽⁴⁾, còn lại hoạt động kém hiệu quả hoặc ngừng hoạt động do thiếu vốn, thiếu việc làm.

2.4. Lĩnh vực tín dụng:

Trong thời gian qua, mặc dù bị ảnh hưởng chung của lạm phát, huy động vốn..., nhưng các quỹ tín dụng vẫn hoạt động có hiệu quả và thu nhập của xã viên và người lao động vẫn được cải thiện (*Quỹ tín dụng Quang Trung, Vinh Quang, Hòa bình*).

⁽³⁾ HTX KD-DV-TH Đoàn Kết, HTX Thần nông - TP Kon Tum, HTX KD nông nghiệp Hương Nguyên - Đắk Hà, HTX rau hoa xứ lạnh Thanh niên Măng Đen - KonPlông.

⁽⁴⁾ HTX Tân Tiến - thành phố Kon Tum; HTX xây dựng Ngọc Hồi, HTX Đức Thuận - Huyện Ngọc Hồi.

2.5. Lĩnh vực thương mại:

Trước những khó khăn chung của nền kinh tế, một số hợp tác xã ở lĩnh vực này đã năng động tìm kiếm thị trường mua bán, mở rộng hoạt động kinh doanh - dịch vụ, tổ chức lại bộ máy quản lý nên hoạt động kinh doanh được giữ ổn định.

2.6. Lĩnh vực vận tải:

Các hợp tác xã đã thực hiện việc phân bổ tuyến, phân công phiên chuyển, hợp đồng vận chuyển... linh hoạt nên đã duy trì hoạt động tương đối ổn định (*HTX Tiền Phong, HTX vận tải Tây Nguyên - thành phố Kon Tum*); tuy nhiên nhìn chung hiệu quả kinh doanh không cao (*do thiếu vốn để đổi mới phương tiện*).

III. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA HẠN CHẾ.

3.1. Hạn chế.

- Một số hợp tác xã cũ hiện nay chưa thực hiện theo đúng qui định của Luật Hợp tác xã; việc liên doanh, liên kết... giữa các hợp tác xã còn hạn chế, chưa bền vững. Quy mô sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã còn nhỏ lẻ, hiệu quả thấp, chưa có tích lũy để tái sản xuất kinh doanh.

- Hầu hết các hợp tác xã thiếu vốn để sản xuất kinh doanh; hợp tác xã nông nghiệp chưa được cấp đất để đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, sân phơi,... phục vụ sản xuất kinh doanh; chưa áp dụng khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất - kinh doanh.

3.2. Nguyên nhân của hạn chế.

- Nguyên nhân chủ quan:

Nhận thức của xã hội về kinh tế tập thể chưa đầy đủ, thống nhất; công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể còn lúng túng và chưa được quan tâm, tạo điều kiện của cấp chính quyền ở cơ sở; công tác tuyên truyền thiếu chiều sâu. Nhận thức của một bộ phận xã viên về quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình còn hạn chế và còn tâm lý ỷ lại, trông chờ sự hỗ trợ về kinh phí của Nhà nước.

- Nguyên nhân khách quan:

Có quá nhiều các biến động của nền kinh tế theo hướng không thuận lợi nên đã tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã, tổ hợp tác, làm cho hợp tác xã, tổ hợp tác không thể huy động vốn để đầu tư sản xuất kinh doanh, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm,...; thời tiết thay đổi thất thường; dịch bệnh ở gia súc, gia cầm chưa hoàn toàn kiểm soát triệt để nên chưa mạnh dạn đầu tư...

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ.

1. Tình hình triển khai Luật và các văn bản hướng dẫn.

Ngoài việc tuân thủ, thực hiện các qui định của Luật Hợp tác xã, các Nghị định của Chính Phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính; UBND tỉnh Kon Tum đã tiếp tục phê duyệt và triển khai thực hiện "Đề án thí điểm phát triển loại hình nhóm hộ, tổ hợp tác sản xuất vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm xây dựng thôn, làng thành cộng đồng phát triển kinh tế bền vững - giai đoạn 2011-2015" trên địa bàn của tỉnh (*Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 30/12/2011*).

Giao nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp nhận đỡ đầu các xã vùng sâu, vùng xa; tổ chức tuyên truyền đến người dân về các chính sách,

qui định của pháp luật về kinh tế tập thể, đồng thời cung cấp tài liệu (đã đăng ký theo Đề án) về kinh tế tập thể cho thôn, xã để thôn, xã làm tài liệu nghiên cứu phục vụ cho nhân dân trong thôn, xã và giới thiệu mô hình sản xuất điển hình của hợp tác xã, tổ hợp tác cho người dân xem, học hỏi.

2. Quản lý nhà nước về kinh tế tập thể.

- **Cấp tỉnh:** Đẩy mạnh việc thực hiện Đề án kiện toàn bộ máy quản lý kinh tế tập thể từ tỉnh đến xã (Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 04/8/2009 của UBND tỉnh). Giao sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kinh tế tập thể. Một số sở, ngành đã phân công cụ thể cán bộ phụ trách hoặc kiêm nhiệm để theo dõi kinh tế tập thể⁽⁵⁾

- **Cấp huyện:** Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, được bố trí tối thiểu 01 cán bộ phụ trách hoặc kiêm nhiệm để theo dõi, quản lý kinh tế tập thể.

- **Cấp xã:** 01 Phó Chủ tịch UBND phụ trách khối trực tiếp theo dõi, quản lý kinh tế tập thể.

3. Kết quả triển khai chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã:

3.1 Chính sách hỗ trợ, khuyến khích thành lập mới, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác: Đã mở 01 lớp tập huấn về phát triển loại hình nhóm hộ, tổ hợp tác, hợp tác xã, với 40 học viên tham dự, đối tượng là Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Có 07 hợp tác xã và 10 tổ hợp tác được hỗ trợ thành lập mới, với tổng kinh phí hỗ trợ 500 triệu đồng. Có 70 cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ trưởng tổ hợp tác được tham gia đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn, với tổng kinh phí hỗ trợ là 390 triệu đồng.

3.2. Chính sách đất đai: Hầu hết các hợp tác xã chưa lập thủ tục để được cấp đất xây dựng trụ sở làm việc và làm thủ tục thuê đất để phục vụ sản xuất, kinh doanh theo qui định.

3.3. Chính sách thuế: Các hợp tác xã đều được hưởng chính sách ưu đãi về thuế theo qui định của nhà nước.

3.4. Chính sách tín dụng: Đã tư vấn, hướng dẫn, trợ giúp cho 01 hợp tác xã vay vốn từ Quỹ hỗ trợ việc làm năm 2012 với số tiền là 20 triệu đồng.

3.5. Chính sách hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại: Hiện tại các sản phẩm về tiểu thủ công nghiệp, hàng nông sản do các hợp tác xã trên địa bàn sản xuất ra còn manh mún, nhỏ lẻ, đơn giản... nên chỉ dừng lại ở bước giới thiệu, cung cấp trên địa bàn và một phần nhỏ cho khách du lịch vắng lại.

3.6. Chính sách hỗ trợ hợp tác xã đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống của cộng đồng xã viên và tham gia chương trình phát triển kinh tế - xã hội: Phần lớn các hợp tác xã chưa mạnh dạn đề xuất; mặt khác chính quyền cơ sở chưa thật sự tạo mọi điều kiện để hợp tác xã tiếp cận nên chưa được hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống của cộng đồng xã viên và tham gia chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

⁽⁵⁾ Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thống kê, Sở Xây dựng, Sở Giao thông - Vận tải, Sở Công thương, ...

3.8 Tuyên truyền về kinh tế tập thể và các hỗ trợ khác: Hợp tác xã, tổ hợp tác đều được tư vấn, hướng dẫn để thực hiện Luật Hợp tác xã, các qui định của Nhà nước và tư vấn giúp các sáng lập viên xây dựng Điều lệ, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, các thủ tục thành lập mới, bổ sung hợp tác xã...

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2013

I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2013:

1. Dự báo những thuận lợi, khó khăn:

1.1. Thuận lợi:

Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về kinh tế tập thể và mô hình hợp tác xã kiểu mới... được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nhận thức của người dân và chính quyền cơ sở về trách nhiệm, quyền lợi của xã viên của hợp tác xã, thành viên của tổ hợp tác và vai trò, vị trí của hợp tác xã, tổ hợp tác đối với sự phát triển của kinh tế tập thể ở địa phương từng bước được nâng cao. Hợp tác xã thành lập mới tuy ít nhưng đã thực hiện theo đúng qui định. Phương thức hoạt động của một số hợp tác xã đã được đổi mới, phù hợp với cơ chế thị trường hiện nay. Một số hợp tác xã hoạt động có hiệu quả đã mang lại lợi ích và tạo lòng tin cho xã viên.

1.2. Khó khăn:

Phần lớn hợp tác xã thiếu vốn để sản xuất kinh doanh (*vốn lưu động và vốn cố định*); không có điều kiện tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, hội chợ triển lãm; thị phần phục vụ và qui mô hoạt động của hợp tác xã chỉ dừng lại ở mức phục vụ cho xã viên; dịch vụ, hàng hóa và sản phẩm làm ra có chất lượng, giá trị sử dụng chưa cao... nên chưa có sức cạnh tranh trên thị trường. Khả năng huy động vốn để mở rộng sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, tổ hợp tác còn hạn chế (*một phần vì không có tài sản để thế chấp*), một số hợp tác xã không còn hoạt động nhưng chưa giải thể được.

Luật Hợp tác xã năm 2003 và một số văn bản qui định, hướng dẫn thực hiện dưới luật về chính sách hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, tổ hợp tác còn bất cập, chưa có sự ưu tiên theo vùng khó khăn... cần được sửa đổi, bổ sung (*như Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17/7/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về cơ chế tài chính hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã*).

2. Một số mục tiêu cụ thể:

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện thủ tục thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác theo đúng qui định; từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác nhằm từng bước đưa kinh tế tập thể thoát khỏi tình trạng yếu kém;

- Nâng cao khả năng thích ứng của hợp tác xã, tổ hợp tác và xã viên trong nền kinh tế thị trường hiện nay; góp phân xóa đói giảm nghèo, tạo thêm nhiều việc làm, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của xã viên, thành viên; từng bước xây dựng cộng đồng dân cư ở cơ sở đoàn kết, phát triển bền vững;

- Phần đầu cuối năm 2013 có 111 hợp tác xã, 122 tổ hợp tác với 9.990 xã viên hợp tác xã và 1.350 thành viên tổ hợp tác. Doanh thu trung bình của một hợp tác xã

là 900 triệu/năm và của một tổ hợp tác là 400 triệu/năm. Riêng đối với hợp tác xã thì thu nhập bình quân của một xã viên là 13 triệu đồng/năm; tỷ lệ cán bộ đạt trình độ trung cấp chiếm 23% và cao đẳng, đại học là 10%.

3. Định hướng phát triển kinh tế tập thể năm 2013:

Phấn đấu đạt 50% các chỉ tiêu của "*Đề án thí điểm phát triển loại hình nhóm hộ, tổ hợp tác sản xuất ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm xây dựng thôn, làng thành cộng đồng phát triển kinh tế bền vững*".

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác như: Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hợp tác xã; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn cho cán bộ hợp tác xã; tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể từ tỉnh đến cấp xã, phường, thị trấn; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế tập thể của UBND các cấp cơ sở.

Rà soát, làm thủ tục giải thể những hợp tác xã không còn hoạt động và tổ chức tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn những hợp tác xã ngừng hoạt động nhưng còn nguyện vọng hoạt động để duy trì, từng bước ổn định và phát triển.

II. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ.

1. Công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể; tạo tâm lý xã hội ủng hộ mạnh mẽ các hình thức kinh tế tập thể; khuyến khích hình thành mới, đa dạng các loại hình kinh tế hợp tác trong các ngành, lĩnh vực; chú trọng nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến.

Tiếp tục củng cố và kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác, hợp tác xã từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn, thực hiện vai trò quản lý nhà nước theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2003, bố trí cán bộ chuyên trách theo dõi kinh tế tập thể từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn.

Tăng cường kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể của cấp trên đối với cấp dưới, của tỉnh đối với huyện, thành phố.

2. Thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể:

UBND các huyện, thành phố phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan thực hiện việc lồng ghép, hỗ trợ, tạo điều kiện để hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia thực hiện Chương trình, dự án trên địa bàn để tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động tại chỗ trên địa bàn.

Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể đã được ban hành: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hợp tác xã; bồi dưỡng, đào tạo cán bộ hợp tác xã; triển khai thực hiện nhân rộng mô hình hợp tác xã điển hình tiên tiến. Gắn kết các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình kinh tế - xã hội trên địa bàn với chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

Ngoài nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh cần đổi bố trí một phần để hỗ trợ bồi dưỡng, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác; đồng thời vận động xã viên hợp tác xã bổ sung thêm vốn góp để hợp tác xã mở rộng sản xuất kinh doanh.

3. Kiến nghị, đề xuất:

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét:

- Đối với hợp tác xã thành lập mới theo đúng qui định, sau khi hoàn tất thủ tục thành lập mới cho phép ngân sách nhà nước hỗ trợ trọn gói một lần (*mức hỗ trợ khoảng 20.000.000 đồng/một hợp tác xã thành lập mới*) và Chủ nhiệm hợp tác xã đó phải cam kết hợp tác xã đảm bảo hoạt động ít nhất 05 năm kể từ ngày thành lập.

- Đối với tổ hợp tác thành lập mới theo đúng qui định, sau khi hoàn tất thủ tục thành lập mới cho phép ngân sách nhà nước hỗ trợ trọn gói một lần (*mức hỗ trợ khoảng 5.000.000 đồng/một tổ hợp tác thành lập mới*) và đại diện pháp luật của tổ hợp tác đó phải cam kết tổ hợp tác đảm bảo hoạt động ít nhất 05 năm kể từ ngày thành lập.

Trên đây là báo cáo tình hình phát triển kinh tế tập thể 6 tháng đầu năm, dự kiến năm 2012 và kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2013 trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh Kon Tum báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN3.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hải

Biểu 1: Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2012 và kế hoạch năm 2013

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Năm 2012			Kế hoạch 2013
				Kế hoạch năm 2012	TH 6 tháng đầu năm 2012	Ước TH cả năm	
I	Hợp tác xã						
1	Tổng số HTX	HTX	88	101	94	101	111
	Trong đó:						
	Số HTX thành lập mới	HTX	4	10	7	10	10
	Số HTX giải thể	HTX	3	3	1	3	-
2	Tổng số liên hiệp HTX	LHHTX	-	-	-	-	-
	Trong đó:						
	Số liên hiệp HTX thành lập mới	LHHTX	-	-	-	-	-
	Số liên hiệp HTX giải thể	LHHTX	-	-	-	-	-
3	Tổng số xã viên	người	-	-	-	-	-
	Trong đó:						
	Số xã viên mới	người	9.776	9.910	9.885	9.910	9.990
4	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	người					
	Trong đó:						
	Số lao động thường xuyên mới	người	750	980	800	980	1130
5	Số lao động là xã viên HTX		575	630	590	630	680
6	Doanh thu bình quân một HTX	trđ/năm	700	850	750	850	900
7	Lợi nhuận bình quân một HTX	trđ/năm	100	120	115	120	140
8	Thu nhập bình quân của xã viên HTX	trđ/năm	9	10.5	10	11.5	13
9	Thu nhập BQ của lao động thường xuyên trong HTX	trđ/năm	10.5	12	11	12.5	14
10	Tổng giá trị xuất khẩu trực tiếp của HTX	nghìn USD	-	-	-	-	-
11	Tỷ lệ cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	%	14	18	15	16	23

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Năm 2012			Kế hoạch 2013
				Kế hoạch năm 2012	TH 6 tháng đầu năm 2012	Ước TH cả năm	
12	Tỷ lệ cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ CĐ, ĐH trở lên	%	8	9	8	9	10
II	Tổ hợp tác						
1	Tổng số tổ hợp tác	THT	80	120	82	102	122
	Trong đó:	THT					
	Số tổ hợp tác thành lập mới	THT	8	38	2	20	20
	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/ phường/thị trấn	THT	14	80	16	80	90
2	Tổng số thành viên THT	thành viên	936	1300	1040	1100	1,350
	Trong đó:						
	Số thành viên mới thu hút	thành viên	110	200	120	150	300
3	Doanh thu BQ một THT	trđ/năm	300	400	320	350	400
4	Lợi nhuận BQ một THT	trđ/năm	50	50	30	30	70
5	Thu nhập BQ của thành viên THT	trđ/năm	8	9	8.5	9.5	10.5

Biểu 2: Phân loại theo ngành nghề đối với HTX, LHHTX, tổ hợp tác năm 2012 và kế hoạch năm 2013

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Năm 2012			Kế hoạch 2013
				Kế hoạch năm 2012	TH 6 tháng đầu năm 2012	Ước TH cả năm	
1	HỢP TÁC XÃ						
	Tổng số hợp tác xã	HTX	88	104	94	104	111
	Chia ra:						
	Hợp tác xã nông nghiệp	HTX	41	40	42	40	43
	Hợp tác xã lâm nghiệp	HTX	-	-	-	-	-
	Hợp tác xã thủy sản	HTX	-	0	4	0	2
	HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX	19	20	19	20	21
	Hợp tác xã xây dựng	HTX	12	18	12	18	18
	Hợp tác xã thương mại	HTX	4	12	5	12	12
	Hợp tác xã tín dụng	HTX	5	6	5	6	6
	Hợp tác xã khác	HTX	7	8	7	8	9
2	LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ						
	Tổng số LH hợp tác xã	LHHTX	-	-	-	-	-
	Chia ra:						
	LH hợp tác xã nông nghiệp	LHHTX	-	-	-	-	-
	LH hợp tác xã lâm nghiệp	LHHTX	-	-	-	-	-
	LH hợp tác xã Thủy sản	LHHTX	-	-	-	-	-
	LH HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	LHHTX	-	-	-	-	-
	LH hợp tác xã xây dựng	LHHTX	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Năm 2012			Kê hoạch 2013
				Kê hoạch năm 2012	TH 6 tháng đầu năm 2012	Ước TH cả năm	
	LH hợp tác xã thương mại	LHHTX	-	-	-	-	-
	LH hợp tác xã tín dụng	LHHTX	-	-	-	-	-
	LH hợp tác xã khác		-	-	-	-	-
3	TỔ HỢP TÁC						
	Tổng số tổ hợp tác	THT	80	120	82	102	122
	Chia ra:						
	Tổ hợp tác nông nghiệp	THT	36	45	36	37	40
	Tổ hợp tác lâm nghiệp	THT	-	-	-	-	-
	Tổ hợp tác Thủy sản	THT	-	-	-	-	-
	THT công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	THT	36	55	38	45	45
	Tổ hợp tác xây dựng	THT	-	6	-	6	8
	Tổ hợp tác thương mại	THT	-	7	-	7	9
	Tổ hợp tác tín dụng	THT	-	7	-	7	11
	Tổ hợp tác khác	THT	8	-	8	-	9

**Biểu 3: Kết quả hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể năm 2012
và kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể năm 2013**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Năm 2012			Kế hoạch 2013
				Kế hoạch năm 2012	TH 6 tháng đầu năm 2012	Ước TH cả năm	
I	Hỗ trợ khuyến khích thành lập mới						
	Trong đó:						
	- Hợp tác xã	HTX	5	10	4	7	15
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	50	500	-	500	800
	- Tổ hợp tác	THT	8	30	0	10	40
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	20	300	-	300	400
II	Hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng						
1	Bồi dưỡng						
	- Cán bộ HTX nông nghiệp	Người	-	60	-	30	60
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	-	300	-	300	500
	- Cán bộ HTX phi nông nghiệp	Người	-	90	-	30	95
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	-	400	-	400	500
	- Tổ trưởng THT	Người	-	20	-	10	25
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	-	80	-	80	90
2	Đào tạo						
	- Sơ cấp, trung cấp	Người	-	40	-	-	40
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	-	400	-	-	500
	- Cao đẳng	Người	-	15	-	-	15
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	-	180	-	-	200
	- Đại học, sau đại học	Người	-	10	-	-	10
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	-	140	-	-	150
III	Hỗ trợ đất đai						
1	Giao đất không thu tiền sử dụng đất						
	Số HTX được giao đất	HTX	-	10	-	-	15
	Tổng diện tích đất được giao	m ²	-	10.000	-	-	15.000
2	Thuế đất						
	Số HTX được thuê đất	HTX	-	10	-	-	15

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Năm 2012			Kế hoạch 2013
				Kế hoạch năm 2012	TH 6 tháng đầu năm 2012	Ước TH cả năm	
	Tổng diện tích đất được thuê	m2	-	50.000	-	-	60.000
3	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất						
	Số HTX được cấp giấy	HTX	-	20	-	-	20
	Tổng diện tích đất được cấp giấy	m2	-	60.000	-	-	60.000
IV	Hỗ trợ thuế						
1	Ưu đãi thuế						
	Số HTX được hưởng ưu đãi thuế	HTX					
	Tổng số tiền thuế được ưu đãi	Tr.đồng					
2	Miễn thuế						
	Số HTX được hưởng được miễn thuế	HTX					
	Tổng số tiền thuế được miễn	Tr.đồng					
V	Hỗ trợ tín dụng						
	Số HTX được vay vốn	HTX	-	20	-	3	10
	Tổng số tiền được hỗ trợ	Tr.đồng	-	200	-	150	300
VI	Hỗ trợ xúc tiến thương mại						
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	-	10	-	-	10
	Tổng số tiền được hỗ trợ	Tr.đồng	-	100	-	-	200
VII	Hỗ trợ về khoa học công nghệ						
	Số HTX được hỗ trợ	HTX					
	Tổng số tiền được hỗ trợ	Tr.đồng					
VIII	Hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng						
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	-	10	-	-	10
	Tổng số tiền được hỗ trợ	Tr.đồng	-	500	-	-	600
IX	Hỗ trợ tuyên truyền về kinh tế tập thể						
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	-	10	-	-	10
	Tổng số tiền được hỗ trợ	Tr.đồng	-	500	-	-	500
X	Hỗ trợ khác						